

Lựa chọn văn bản văn học sử dụng trong phần đọc hiểu đề thi tuyển sinh vào lớp 10 công lập

Huỳnh Tuấn Phát¹, Trần Khôi Nguyên², Lý Thế Quyền³, Nguyễn Phước Bảo Khôi⁴

¹Học viên cao học, khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

²GV, Trung tâm GDNN - GDTX Thành phố Thủ Đức, TPHCM

³GV, THCS Tân Bình, Bình Dương

⁴ThS, Giảng viên khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Received: 10/09/2024; Accepted: 16/09/2024; Published: 22/09/2024

Abstract: Based on the analysis and synthesis of some documents and publications related to the topic of teaching Literature, this article highlights some essential problems of selecting literary texts for the grade 10 admission exam. This result will contribute to developing teachers' skills for designing the reading comprehension exam to meet the purposes and requirements of the secondary school graduation with 2018 Language Arts and Literature curriculum.

Keywords: Text selection, reading comprehension, literary text, grade 10 admission exam

1. Đặt vấn đề

Đổi mới kiểm tra đánh giá (KTĐG) theo năng lực đặt ra nhiều yêu cầu cần đáp ứng. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 công lập (TS10) là hoạt động KTĐG thường niên được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) phân cấp trách nhiệm cho các Sở GDĐT quản lý, trực tiếp tiến hành. Trong đề thi này, Ngữ văn là một trong hai môn bắt buộc. Riêng với môn Ngữ văn, Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ban hành ngày 21 tháng 7 năm 2022 đã pháp lý hóa yêu cầu về nguồn ngữ liệu dùng trong kiểm tra đánh giá. [1] Trong đề thi Ngữ văn, phần Đọc hiểu (ĐH) chiếm trọng số điểm cao, là một nội dung vô cùng quan trọng để đánh giá năng lực của học sinh (HS). Tuy nhiên, trên thực tế, những yêu cầu đối với việc lựa chọn VB cho nội dung này vẫn còn nhiều khoảng trống về lý thuyết và thực nghiệm. Do vậy, vấn đề xác định những nguyên tắc, yêu cầu cụ thể trong việc lựa chọn văn bản (VB) ngữ liệu, đặc biệt là văn bản văn học (VBVH) càng trở nên cấp thiết

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nguyên tắc đề xuất

2.1.1. Đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ

Các đề xuất phải có tính hệ thống, đồng bộ, có nghĩa là chúng có mối liên kết chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, tương tác với nhau, yêu cầu này hỗ trợ cho yêu cầu kia và ngược lại. Bên cạnh đó mỗi yêu cầu đều có tính độc lập tương đối, tính đặc thù riêng. Tuy nhiên, không có yêu cầu nào là vạn năng, đa trị. yêu cầu này là điều kiện, tiền đề cho yêu cầu kia, chúng không thể tách rời nhau hợp thành một

chính thể thống nhất. Nguyên tắc này đòi hỏi các yêu cầu đề xuất phải có mối quan hệ tác động qua lại với nhau và đều hướng đến việc hỗ trợ tốt nhất cho việc lựa chọn VBVH sử dụng trong đề thi TS10. Ngoài ra, cần phải phối hợp, thực hiện đồng bộ các yêu cầu để mang lại hiệu quả cao.

2.1.2. Đảm bảo tính kế thừa và phát triển

Trong thực tế, nghiên cứu về việc lựa chọn VB nói chung và lựa chọn VBVH sử dụng trong đề thi TS10 đã có những thành tựu phải ghi nhận. Việc kế thừa những công việc đã đem lại hiệu quả sẽ giúp chúng ta không mất nhiều thời gian cho việc tìm kiếm, mò mẫm hướng đi. Nguyên tắc này đòi hỏi các yêu cầu được đề xuất phải trên cơ sở kế thừa và phát triển những kết quả nghiên cứu đã đạt được trong thực tiễn, tính kế thừa và phát triển của các yêu cầu còn phải được thể hiện trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đã có.

2.1.3. Đảm bảo tính thực tiễn và khả thi

Lựa chọn các yêu cầu phải phù hợp với điều kiện thực tế, phải dựa trên cơ sở đã được phân tích. Các yêu cầu này không quá xa lạ với GV (GV), việc hệ thống hóa đề xuất chỉ nhằm mục đích hỗ trợ GV có thể lựa chọn được những VBVH phù hợp để sử dụng trong phần ĐH của đề thi TS10.

2.2. Cơ sở đề xuất

2.2.1. Những yếu tố đến từ CTNV 2018

Mục tiêu, yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của CTNV 2018.

Tài liệu CTNV 2018 cũng đã có quy định những nội dung dạy học tương ứng với các YCCĐ. CTNV

2018 cũng đã nêu rõ: “*Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với HS mỗi lớp học, cấp học đã quy định trong chương trình.*” [2] Như vậy, cơ sở quan trọng hàng đầu để xây dựng yêu cầu lựa chọn VB/VH sử dụng trong phần ĐH của đề thi TS10 sẽ là phần YCCĐ đối với năng lực Đọc ở lớp 9 [3] được ghi rõ trong CTNV 2018.

Yêu cầu KTĐG theo năng lực.

CTNV 2018 đặt ra yêu cầu “*cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của HS, khắc phục tình trạng HS chỉ học thuộc bài hoặc sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.*” [4] Yêu cầu này cũng thống nhất với nội dung 2b và 2c trong công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ban hành ngày 21 tháng 7 năm 2022 đã pháp lý hóa những yêu cầu về ngữ liệu được sử dụng trong KTĐG môn Ngữ văn. Công văn đã nhấn mạnh hai điểm quan trọng liên quan đến việc xây dựng đề kiểm tra và lựa chọn sử dụng ngữ liệu trong đề thi môn Ngữ văn: yêu cầu HS vận dụng được kiến thức và kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói, nghe) vào giải quyết tình huống, ngữ liệu mới và tránh sử dụng lại các ngữ liệu VB trong sách giáo khoa (SGK) đã học để đánh giá chính xác năng lực của HS.

Hơn thế, khi HS tham gia các kỳ thi nhằm kiểm tra được hiệu quả học tập và sự linh hoạt trong việc áp dụng kiến thức vào thực tế, HS không được nhận thêm những sự hỗ trợ mới mà chỉ có thể vận dụng những sự hỗ trợ được tích lũy từ trước. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất về kiến thức và khả năng vận dụng, VB được sử dụng trong đề thi cần phải có tính tương đương với những tình huống HS đã giải quyết trong quá trình học tập. Đồng thời, bằng việc kết hợp hệ thống lại những kiến thức, kinh nghiệm sẵn có, áp dụng hướng dẫn tích lũy được khi học tại lớp, các em mới có khả năng tự giải quyết vấn đề tương tự đặt ra trong đề thi một cách hiệu quả. Như vậy, trong KTĐG theo năng lực, nội dung kiểm tra phải tạo ra một hoạt động mô phỏng, xây dựng tình huống mới tương tự như tình huống mà người được đánh giá đã được rèn luyện hay có kinh nghiệm xử lý để xem xét mức độ thành công khi giải quyết tình huống mới nảy sinh.

Định hướng dạy học tích hợp

Sự ra đời của hướng dẫn 791/HD-BGDĐT, công

văn 5555/BGDĐT-GDTrH và công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH là một bước đệm cho việc ra đời cấu trúc bài học Ngữ văn (BHNV) mới trong SGK phục vụ CTNV 2018. Theo đó, BHNV mới không còn gắn với tên một VB hay một đơn vị kiến thức thuộc phân môn Tiếng Việt/ Làm văn mà là một chủ đề tích hợp nội môn gồm một số VB và đơn vị kiến thức tương ứng thuộc các phân môn. Khái niệm BHNV mới này tương tự với khái niệm chủ đề học tập/ chủ đề tích hợp. Dù mỗi bộ sách có sự lựa chọn khác nhau trong cách cấu tạo bài học (theo trục chủ đề hay trục thể loại) thì vẫn tuân thủ nguyên tắc tích hợp bốn kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; các nội dung dạy học cốt lõi sẽ gồm hai phần chính là kiến thức (văn học, tiếng Việt và giao tiếp) cùng ngữ liệu là những VB thuộc các thể loại khác nhau.

Tiêu chí lựa chọn VB của CTNV 2018 [5]

- Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm – sinh lí của HS ở từng lớp học, cấp học. [...]

- Có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu về kiểu VB và thể loại, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ.

- Phản ánh được thành tựu về tư tưởng, văn học, văn hoá dân tộc; thể hiện tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu chân thiện mỹ, tình yêu thiên nhiên, tinh thần hội nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại.

2.2.2. Đặc điểm của HS

Đối tượng của kì thi TS10 được xác định thuộc giai đoạn Thiếu niên. Ở độ tuổi được đánh giá “vừa trẻ con, vừa người lớn”, HS có những đặc điểm cơ bản [6] như sau:

Hoạt động nhận thức

Đặc điểm nổi bật trong hoạt động này của thiếu niên là tính mục đích, tính chủ định phát triển rất mạnh, điều này kích thích sự khám phá, tò mò, ham hiểu biết của HS. HS phát triển nhanh về tri giác và trí nhớ có chủ định, tuy nhiên, độ tuổi này cũng còn nhiều hạn chế vì tính hấp tấp, vội vàng, tùy tiện, thiếu tính tổ chức và hệ thống. Về tư duy, HS phát triển tư duy trừu tượng mạnh mẽ, có khả năng phân tích tài liệu tương đối đầy đủ, sâu sắc, biết phân biệt những dấu hiệu bản chất và không bản chất. HS bậc THCS cũng phát triển khả năng suy luận và tư duy phê phán

và thính độc lập, sáng tạo trong tư duy.

Đời sống xúc cảm tình cảm

Ở lứa tuổi này HS hình thành những loại tình cảm cao cấp đa dạng, phong phú và có chiều sâu như tình cảm đạo đức với gia đình, bạn bè, quê hương, đất nước; tình cảm trí tuệ; tình cảm thẩm mỹ. Tuy xúc cảm - tình cảm của đa số thiếu niên có cường độ khá mạnh nhưng tình cảm này chưa ổn định, còn chứa đựng nhiều mâu thuẫn và dễ thay đổi.

Nhân cách

Tuổi thiếu niên sự hình thành tự ý thức để tự nhận thức, tự đánh giá bản thân, so sánh với người khác. Đây cũng là lứa tuổi hình thành quan điểm, lí tưởng, niềm tin riêng từ việc quan sát, nhận xét, đánh giá về hệ thống giá trị, các chuẩn mực đạo đức, so sánh nó với những trải nghiệm thực tế của bản thân. Tuy nhiên, các giá trị, chuẩn mực của thiếu niên chưa có nền tảng vững chắc, dễ bị tác động hay ngộ nhận, phiến diện. Độ tuổi thiếu niên cũng hình thành ý chí và khát vọng tự tu dưỡng rèn luyện tính độc lập, kiên trì, lòng dũng cảm, nghị lực vượt khó nhưng dễ sa vào bướng bỉnh, liều lĩnh.

2.3 Một số đề xuất về việc lựa chọn VBVH sử dụng trong phần ĐH của đề thi TS10

2.3.1 Yêu cầu về nguồn trích dẫn

Tuyệt đối không sử dụng của VBVH đã được học trong ba bộ SGK (*Chân trời sáng tạo*, *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Cánh diều*) phục vụ cho CT Ngữ văn 2018 và cả SGK Ngữ văn 9 theo CT Ngữ văn 2006.

VBVH được lựa chọn sử dụng trong phần ĐH cần phải được trích nguồn đầy đủ từ các tài liệu sách in, do NXB uy tín chịu trách nhiệm biên tập và phát hành, ghi rõ năm xuất bản và trích ở/ từ trang bao nhiêu. Một căn cứ để xác định độ uy tín, tin cậy đối với NXB có thể dựa trên danh sách các NXB được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước ngành Văn học công nhận, bao gồm các NXB của các Đại học và những NXB chuyên ngành hoặc tổng hợp [7].

2.3.2 Yêu cầu về thể loại ưu tiên

Việc lựa chọn VB đọc hiểu phải dành sự quan tâm đến loại thể VB có thời lượng được tổ chức dạy học nhiều/ có nhiều bài học liên quan trong SGK Ngữ văn, với những tiểu loại VB đa dạng, phong phú. Trong SGK Ngữ văn lớp 9 hiện nay của cả ba bộ sách, dễ thấy số lượng VB truyện và thơ chiếm khá nhiều. Kết quả khảo sát theo bảng sau:

Bảng 2.1. Thống kê số VBVH theo thể loại trong SGK Ngữ văn 9 của ba bộ sách

Bộ sách	Thể loại	Số lượng	Tỉ lệ
Chân trời sáng tạo	Thơ	12	46,2%
	Truyện	9	34,6%
	Kịch	3	11,5%
	Kí	2	7,7%
Kết nối tri thức với cuộc sống	Thơ	12	48%
	Truyện	10	40%
	Kịch	3	12%
	Kí	0	0%
Cánh diều	Thơ	15	55,6%
	Truyện	10	37,0%
	Kịch	2	7,4%
	Kí	0	0%

Qua bảng thống kê trên, kết quả rõ ràng cho thấy thơ và truyện sẽ có ưu thế hơn hai thể loại còn lại đối với kinh nghiệm ĐH của HS. Và dĩ nhiên đây cũng sẽ là hai loại thể VBVH được ưu tiên lựa chọn sử dụng trong phần ĐH của đề thi TS10.

2.3.3 Yêu cầu “tương đương VB trong SGK”

GV phải lựa chọn được ngữ liệu ngoài SGK nhưng tương đương (về loại thể, về đề tài – chủ đề, về độ khó/ độ phức tạp,...) với các VB trong SGK Ngữ văn 9 mà HS từng tiếp xúc để các em có thể huy động vốn kiến thức, kĩ năng đã được trau dồi, rèn luyện giúp giải quyết thành công nhiệm vụ ĐH được đặt ra. Chẳng hạn với thể loại thơ, cân đối dung lượng trung bình của các VB thơ trong SGK với thời lượng thực hiện phần ĐH của đề thi, chúng tôi cho rằng độ dài phù hợp với thể dao động trong khoảng từ 150 - 250 chữ. Hoặc qua khảo sát chúng tôi nhận thấy *Số phận con người* và *Gia đình* là hai đề tài xuất hiện nhiều trong các VB thơ thuộc SGK Ngữ văn 9. Vì thế, chúng tôi khuyến nghị cho việc lựa chọn VB thơ trong đề thi TS lớp 10 môn Ngữ văn cần tập trung vào hai mảng đề tài này.

2.3.4 Yêu cầu về “tiềm năng khai thác tích hợp”

Với cấu trúc BHNV mới của CTNV 2018, với yêu cầu các câu hỏi của phần ĐH trong đề thi tốt nghiệp THPT, việc lựa chọn ngữ liệu phải tính đến tiềm năng khai thác tích hợp của VB. Nghĩa là VB được chọn phải hàm chứa những kiến thức về Tiếng Việt, về Làm văn có thể sử dụng để tạo câu hỏi đánh giá NLĐH của HS ở mức nhận biết và thông hiểu. Hơn thế, khi đặt ra mục tiêu kiểm tra đánh giá NL, đưa HS vào tình huống tương tự với những gì đã học thì người lựa chọn ngữ liệu cần chú ý đến phạm vi kiến thức về Tiếng Việt, về Làm văn phù hợp với từng lớp. Đồng thời, ba nội dung Văn học, Tiếng Việt và Làm văn đều có đồng quy ở tiếng Việt và đều có mục đích là hình thành cho HS NL sử dụng

tiếng Việt trong tiếp nhận (đọc) và tạo lập (viết) VB. Do vậy, đề thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực cần tích hợp đọc – viết như một yêu cầu bắt buộc. Từ đó, việc lựa chọn VB cho phần ĐH trong đề thi này cần hướng đến những VB đáp ứng tiềm năng khai thác tích hợp kỹ năng: vừa là ngữ liệu kiểm tra năng lực đọc, vừa là ngữ liệu đánh giá năng lực viết.

Bảng 2.2. Bộ tiêu chí lựa chọn VBVH sử dụng trong KTĐG

TIÊU CHÍ CỤ THỂ THEO THỂ LOẠI			
Truyện truyền kì	Truyện thơ Nôm	Truyện	Thơ
- Câu chuyện, cốt truyện có thể xác định qua một số chi tiết tiêu biểu. - Truyện có không gian, thời gian cụ thể và được thể hiện có ý đồ nghệ thuật. - Nhân vật phân tuyến chính - phụ, được chú ý khắc họa tính cách chủ yếu qua ngôn ngữ (lời đối thoại, độc thoại) và nội tâm. - Chi tiết kì ảo và các chi tiết khác được cài đặt có ý đồ nghệ thuật. - Có sự phân biệt rõ giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản truyện. - Sử dụng và phát huy tác dụng của các điển cố quen thuộc. - Có thể xuất hiện của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn để giúp người đọc phân biệt nghĩa của chúng.	- Câu chuyện, cốt truyện có thể xác định qua một số chi tiết tiêu biểu. - Nhân vật phân tuyến chính - phụ, được chú ý khắc họa tính cách chủ yếu qua ngôn ngữ (lời đối thoại, độc thoại) và nội tâm. - Có sự phân biệt rõ giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản truyện. - Sử dụng và phát huy tác dụng của các điển cố quen thuộc. - Có thể xuất hiện của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn để giúp người đọc phân biệt nghĩa của chúng.	- Câu chuyện, cốt truyện có thể xác định qua một số chi tiết tiêu biểu. - Truyện có không gian, thời gian cụ thể và được thể hiện có ý đồ nghệ thuật. - Nhân vật phân tuyến chính - phụ, được chú ý khắc họa tính cách chủ yếu qua ngôn ngữ (lời đối thoại, độc thoại) và nội tâm. - Chi tiết được cài đặt có ý đồ nghệ thuật. - Có sự phân biệt rõ giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản truyện.	- Bố cục, kết cấu có thể xác định và được xây dựng có ý đồ nghệ thuật. - Ngôn ngữ được sử dụng tinh tế, một số chỗ diễn đạt độc đáo. - Sử dụng và phát huy giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ như chơi chữ, điệp thanh và điệp vần và các biện pháp tu từ quen thuộc khác đã học. - Sử dụng và phát huy tác dụng của các điển cố quen thuộc. - Có thể xuất hiện của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn để giúp người đọc phân biệt nghĩa của chúng.

3. Kết luận

Trên cơ bản, yêu cầu về nguồn trích dẫn, yêu cầu về thứ tự ưu tiên và chất lượng VB (tương đương VB trong SGK về đề tài và dung lượng, tiềm năng khai thác tích hợp cả kiến thức Văn học và Tiếng Việt, sử dụng để kiểm tra kỹ năng đọc và viết) chính là những nội dung mang tính nguyên tắc đối với việc lựa chọn VB ngữ liệu sử dụng trong phần ĐH của đề thi môn Ngữ văn. Những yêu cầu này và qui trình đề xuất bộ tiêu chí hoàn toàn có thể áp dụng cho VBVH thuộc các thể loại khác cũng như các loại VB khác. Tuy nhiên, quá trình nghiên cứu cần tiếp tục để dần hoàn thiện bộ tiêu chí cụ thể, khả thi để có thể lựa chọn được những VB ngữ liệu tốt phục vụ cho việc xây dựng đề thi Ngữ văn theo định hướng NL nói chung và đề thi TS10 nói riêng.

Tài liệu tham khảo

2.3.5 Bộ tiêu chí đề xuất cho VBVH sử dụng trong phần ĐH của đề thi TS10

Từ những nguyên tắc, cơ sở và yêu cầu đặt ra như trên, chúng tôi cơ bản xây dựng bộ tiêu chí dành cho VBVH sử dụng trong phần ĐH của đề thi TS10. Trong đó, chúng tôi bám sát vào YCCĐ của lớp 9 và định hướng tích hợp đã nêu. Kết quả cụ thể như sau:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ban hành ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. H., tr.85
3. Tlđđ [2], tr.54 – 56
4. Tlđđ [2], tr.87
5. Tlđđ [2], tr.16
6. Nguyễn Thị Tứ (chủ biên). (2018). *Tâm lý học giáo dục*. Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh, tr.39 – 63
7. Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước, Quyết định số 22/QĐ-HĐGSNN ban hành ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2023 (Phụ lục kèm theo quyết định), tr.157